

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/KDTM – ST;
Ngày: 07-9-2020;
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Bà Trần Thị Kim Trinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 11/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K. Trụ sở: đường T, thành phố R, tỉnh K. Địa chỉ liên hệ: đường L, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết H, chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh, theo Giấy ủy quyền 74/UQ-CNĐN ngày 10/3/2020. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty CP Xây dựng và Thương mại S. Địa chỉ: đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP K - Ông Nguyễn Viết H trình bày:*

Công ty CP Xây dựng và Thương mại S (sau đây gọi là Công ty) có ký kết với Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 302/16/HĐTD/0500-3793 ngày 07/7/2016. Mục đích vay: mua xe ô tô. Thời hạn vay: 07 năm. Lãi suất vay: 11,43%/ năm trong 3 tháng đầu, lãi suất thay đổi 03

tháng theo lãi suất tiết kiệm 13 tháng cộng với biên độ 4,23%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên của Công ty tại Ngân hàng, Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô bán tải pickup cabin kép hiệu Chevrolet, loại xe Colorado, số khung: 8PK0GH635539, số máy: XFG160181054, biển kiểm soát: 43C-126.87 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 024775 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/7/2016 cho Công ty CP Xây dựng và Thương mại S (theo Hợp đồng thế chấp số 302/16/HĐTC-MNTB/0500-3793 ngày 07/7/2016 đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 tp. Đà Nẵng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/7/2016).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay số tiền là 520.000.000 đồng. Công ty chỉ thực hiện trả được một phần tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty đã không trả nợ gốc và nợ lãi đúng kỳ hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/9/2020 là 392.157.291đ, trong đó nợ gốc là 332.250.000đ, tiền lãi trong hạn là 43.103.598đ, tiền phạt chậm trả lãi: 5.495.618đ, tiền lãi quá hạn: 11.308.075đ theo Hợp đồng tín dụng số 302/16/HĐTD/0500-3793 ngày 07/7/2016.

- Trong trường hợp Công ty không trả được nợ, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô bán tải pickup cabin kép hiệu Chevrolet, loại xe Colorado, số khung: 8PK0GH635539, số máy: XFG160181054, biển kiểm soát: 43C-126.87 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 024775 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/7/2016 cho chủ sở hữu là Công ty CP Xây dựng và Thương mại S (theo Hợp đồng thế chấp số 302/16/HĐTC-MNTB/0500-3793 ngày 07/7/2016 đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 tp. Đà Nẵng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/7/2016)

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút yêu cầu đối với tiền phạt chậm trả lãi: 5.495.618đ, yêu cầu Công ty phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 07/9/2020 là: 386.661.673đ, trong đó nợ gốc là 332.250.000đ, tiền lãi trong hạn là 43.103.598đ, tiền lãi quá hạn: 11.308.075đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần, bị đơn Công ty S đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa sơ thẩm:* Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, việc tuân thủ pháp luật của HĐXX tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Giữa Ngân hàng và bị đơn Công ty S có ký kết Hợp đồng tín dụng số 302/16/HĐTD/0500-3793 ngày 07/7/2016. Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Công văn số 268/CV-ĐKKD ngày 07/6/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tp. Đà Nẵng, Công ty S được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401314966 đăng ký lần đầu ngày 23/11/2009 có địa chỉ tại đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng đã tiến hành niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng của Tòa án đối với Công ty S. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty S không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, Ngân hàng đề nghị rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi: 5.091.014đ. Xét thấy việc rút yêu cầu của Ngân hàng đối với tiền phạt chậm trả lãi là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận và căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên.

[3] Về nội dung

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền nợ gốc và lãi:

Công ty S vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 302/16/HĐTD/0500-3793 ngày 07/7/2016 với mục đích mua xe ô tô. Việc ký kết hợp đồng tín dụng trên giữa Công ty và Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng trên phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay số tiền là 520.000.000đ. Công ty đã thanh toán một phần gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng sau đó thì không thanh toán nữa. Tạm tính đến ngày 07/9/2020, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền là: 386.661.673đ, trong đó nợ gốc là 332.250.000đ, tiền lãi trong hạn là 43.103.598đ, tiền lãi quá hạn: 11.308.075đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh

toán nợ vay theo hợp đồng mà hai bên cam kết thỏa thuận, vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi suất đã ký với ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi suất của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về tiền nợ gốc: Phía bị đơn đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng đã giao kết là 520.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ thanh toán một phần tiền nợ gốc, còn lại số tiền là: 332.250.000đ thì không thanh toán, vi phạm Điều 9 của Hợp đồng và Điều 474 BLDS 2005. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn là 332.250.000đ.

Về tiền lãi: Ngân hàng và Công ty đã thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng, thỏa thuận về lãi suất trong hạn là 11,43%/ năm trong 3 tháng đầu, lãi suất thay đổi 03 tháng theo lãi suất tiết kiệm 13 tháng cộng với biên độ 4,23%/năm hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với khoản 2, 3 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định pháp luật. HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Công ty phải thanh toán tiền lãi tính đến ngày 07/9/2020 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên, bao gồm: tiền lãi trong hạn là 43.103.598đ, tiền lãi quá hạn: 11.308.075đ.

Đồng thời, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Công ty phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tương ứng đối với số tiền còn nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 302/16/HĐTD/0500-3793 ngày 07/7/2016, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Công ty trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 07/9/2020 là 386.661.673đ, trong đó nợ gốc là 332.250.000đ, tiền lãi trong hạn là 43.103.598đ, tiền lãi quá hạn: 11.308.075đ và tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tương ứng đối với số tiền còn nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 302/16/HĐTD/0500-3793 ngày 07/7/2016, kể từ ngày 08/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3.2]Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty không thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với các khoản vay tại Ngân hàng, Công ty đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty là xe ô tô bán tải pickup cabin kép hiệu Chevrolet, loại xe Colorado, số khung: 8PK0GH635539, số máy: XFG160181054, biển kiểm soát: 43C-126.87 Giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 024775 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tp. Đà Nẵng cấp ngày 05/7/2016, theo Hợp đồng thế chấp số 302/16/HĐTC-MNTB/0500-3793 ngày 07/7/2016. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 Tp. Đà Nẵng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày. Hợp đồng này được ký kết tự nguyện giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng công chứng, được đăng ký bảo đảm theo quy định tại các Điều 122, 123, 124, 323, 342, 405 BLDS 2005 nên có hiệu lực thi hành. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 351, Điều 355 BLDS 2005 và Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng cho Ngân hàng, thì phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô bán tải pickup cabin kép hiệu Chevrolet, loại xe Colorado, số khung: 8PK0GH635539, số máy: XFG160181054, biển kiểm soát: 43C-126.87 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 024775 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Tp. Đà Nẵng cấp ngày 05/7/2016, để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

[4] Về ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, nên Công ty phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ngân hàng được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về lệ phí và chi phí tố tụng:

- Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.843.800 đồng, Ngân hàng phải chịu theo quy định pháp luật (đã nộp và đã chi).

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, Công ty S phải chịu. Công ty có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 157, 158, 180, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227, Điều 244 BLTTDS 2015;

- Các Điều 122, 123, 124, 323, 342, khoản 7 Điều 351, Điều 355, 405, 471, 474, 476 BLDS 2005 và Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm;

- Các Điều 7, 8, 13, 14 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

2. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại S phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tính đến ngày 07/9/2020 là 386.661.673đ, trong đó nợ gốc là 332.250.000đ, tiền lãi trong hạn là 43.103.598đ, tiền lãi quá hạn: 11.308.075đ và tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tương ứng đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 302/16/HĐTD/0500-3793 ngày 07/7/2016, kể từ ngày 07/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp, trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

- Trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô bán tải pickup cabin kép hiệu Chevrolet, loại xe Colorado, số khung: 8PK0GH635539, số máy: XFG160181054, biển kiểm soát: 43C-126.87 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 024775 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/7/2016 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

- Trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng phải trả lại cho Công ty Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 024775 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng đứng tên Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại S.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần K buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại S thanh toán tiền phạt chậm trả lãi: 5.495.618 đồng.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 19.333.083 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là: 9.190.294 đồng theo Biên lai số 001046 ngày 25/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng.

6. Về lệ phí và chi phí tố tụng khác:

6.1. Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.843.800 đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần K phải chịu theo quy định pháp luật (đã nộp và đã chi).

6.2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại S phải chịu. Công ty CP Xây dựng và Thương mại S có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp.

7. Án xử công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng